



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 12

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

09/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 68/QĐ-UBND phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La	2
14/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 115/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính.	83

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Công văn số 892-CV/TU ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xác định, phân định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 03/BC-HĐTĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thẩm định danh sách thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La và Tờ trình số 183/TTr-SDTTG ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030. Cụ thể:

1. Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn:

a) Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số: **2.233/2.233** thôn/bản.

b) Thôn, bản đặc biệt khó khăn: **1.198** thôn/bản.

2. Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III:

a) Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **75/75** xã, phường.

b) Xã khu vực I, II, III:

- Xã khu vực I: **03** xã/phường.

- Xã khu vực II: **06** xã/phường.

- Xã khu vực III: **66** xã.

(Chi tiết tại các Phụ lục theo mẫu số 01, 02 kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu liên quan và kết quả xác định, phân định trên địa bàn; cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu vào phần mềm quản lý theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Chủ động kịp thời cập nhật thông tin trong quá trình rà soát, đánh giá, công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục số 01
DANH SÁCH PHÂN ĐỊNH THÔN/BẢN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI, THÔN/BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
(Kèm theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
	Tổng cộng		2.045	2.224	1.198
1	Phường Tô Hiệu	49	12	49	0
1		Tổ 1, phường Tô Hiệu		MN	
2		Tổ 2, phường Tô Hiệu		MN	
3		Tổ 3, phường Tô Hiệu		MN	
4		Tổ 4, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
5		Tổ 5, phường Tô Hiệu		MN	
6		Tổ 6, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
7		Tổ 7, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
8		Tổ 8, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
9		Tổ 9, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
10		Bản Hèo, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
11		Tổ 1 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
12		Tổ 2 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
13		Tổ 3 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
14		Tổ 4 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
15		Tổ 5 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
16		Tổ 6 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
17		Tổ 7 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
18		Tổ 8 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
19		Tổ 9 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
20		Tổ 10 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
21		Tổ 11 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
22		Tổ 12 Chiềng Lè, phường Tô Hiệu		MN	
23		Bản Lầu, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
24		Tổ 1 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
25		Tổ 2 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
26		Tổ 3 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
27		Tổ 4 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
28		Tổ 5 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
29		Tổ 6 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
30		Tổ 8 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
31		Tổ 9 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
32		Tổ 10 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
33		Tổ 11 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
34		Tổ 12 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
35		Tổ 13 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
36		Tổ 14 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
37		Tổ 15 Quyết Thắng, phường Tô Hiệu		MN	
38		Bản Giảng Lắc, phường Tô Hiệu	DTTS	MN	
39		Tổ 1 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
40		Tổ 2 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
41		Tổ 3 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
42		Tổ 4 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
43		Tổ 5 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
44		Tổ 6 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
45		Tổ 7 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
46		Tổ 8 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
47		Tổ 9 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
48		Tổ 10 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
49		Tổ 11 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu		MN	
2	Phường Chiềng Cơi	30	29	30	0
1		Bản Lụa	DTTS	MN	
2		Bản Kham	DTTS	MN	
3		Bản Pọng	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
4		Bản Sàng	DTTS	MN	
5		Bản Hịa	DTTS	MN	
6		Bản Nam	DTTS	MN	
7		Bản Hoàng Văn Thụ		MN	
8		Bản Mòng	DTTS	MN	
9		Bản Bó Cắm	DTTS	MN	
10		Bản Lun	DTTS	MN	
11		Bản Nẹ Tở	DTTS	MN	
12		Bản Nẹ Nưa	DTTS	MN	
13		Bản Púa Nhọt	DTTS	MN	
14		Bản Co Phung	DTTS	MN	
15		Bản San	DTTS	MN	
16		Bản Buồn	DTTS	MN	
17		Bản Châu Cọ	DTTS	MN	
18		Bản Mé Ban	DTTS	MN	
19		Bản Bó Ẩn	DTTS	MN	
20		Bản Coóng Nọi	DTTS	MN	
21		Tổ 1	DTTS	MN	
22		Tổ 2	DTTS	MN	
23		Tổ 3	DTTS	MN	
24		Bản Hôm	DTTS	MN	
25		Bản Hùn	DTTS	MN	
26		Bản Ót Luông	DTTS	MN	
27		Bản Ót Nọi	DTTS	MN	
28		Bản Ngoại	DTTS	MN	
29		Bản Muông Yên	DTTS	MN	
30		Bản Dầu	DTTS	MN	
3	Phường Chiềng Sinh	33	26	33	0
1		Tổ 1		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
2		Tổ 2		MN	
3		Tổ 3		MN	
4		Tổ 4		MN	
5		Tổ 5		MN	
6		Tổ 6		MN	
7		Tổ 7		MN	
8		Tổ 8	DTTS	MN	
9		Tổ 9	DTTS	MN	
10		Tổ 10	DTTS	MN	
11		Tổ 11	DTTS	MN	
12		Tổ 14	DTTS	MN	
13		Tổ 15	DTTS	MN	
14		Tổ 17	DTTS	MN	
15		Bản Hẹ	DTTS	MN	
16		Bản Phụng	DTTS	MN	
17		Bản Thẩm Mạ	DTTS	MN	
18		Bản Cang	DTTS	MN	
19		Tiểu Khu	DTTS	MN	
20		Bản Dữn	DTTS	MN	
21		Bản Khoang	DTTS	MN	
22		Bản Híp	DTTS	MN	
23		Bản Co Pục	DTTS	MN	
24		Bản Nong La	DTTS	MN	
25		Bản Pát	DTTS	MN	
26		Bản Púng	DTTS	MN	
27		Bản Phường	DTTS	MN	
28		Bản Nà Ngần	DTTS	MN	
29		Bản Ca láp	DTTS	MN	
30		Bản Kềm	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
31		Bản Ổ	DTTS	MN	
32		Bản Muông	DTTS	MN	
33		Bản Nà Lo	DTTS	MN	
4	Phường Chiềng An	27	27	27	0
1		Bản Páng	DTTS	MN	
2		Bản Nam Niệu	DTTS	MN	
3		Bản Tòng Xét	DTTS	MN	
4		Bản Trung Tâm	DTTS	MN	
5		Bản Tam Quỳnh	DTTS	MN	
6		Bản Phiêng Tam	DTTS	MN	
7		Bản Nam Giáng	DTTS	MN	
8		Bản Phiêng Nghè	DTTS	MN	
9		Tổ 1	DTTS	MN	
10		Tổ 2	DTTS	MN	
11		Tổ 3	DTTS	MN	
12		Tổ 4	DTTS	MN	
13		Tổ 5	DTTS	MN	
14		Bản Cá	DTTS	MN	
15		Bản Hải	DTTS	MN	
16		Bản Cọ	DTTS	MN	
17		Bản Phứa Cón	DTTS	MN	
18		Bản Phiêng Ngùa	DTTS	MN	
19		Bản Panh	DTTS	MN	
20		Bản Có Mòn	DTTS	MN	
21		Bản Thè Dửn	DTTS	MN	
22		Bản Tông	DTTS	MN	
23		Bản Lá Mường	DTTS	MN	
24		Bản Phiêng Hay	DTTS	MN	
25		Bản Hụm	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
26		Bản Ái	DTTS	MN	
27		Bản Sắng	DTTS	MN	
5	Phường Mộc Châu	28	17	28	0
1		Bản Tà Số 1	DTTS	MN	
2		Bản Tà Số 2	DTTS	MN	
3		Bản Hin Phá	DTTS	MN	
4		Bản Tát Ngoãng	DTTS	MN	
5		Bản Pá Phang 1	DTTS	MN	
6		Bản Pá Phang 2	DTTS	MN	
7		Bản Tây Hưng	DTTS	MN	
8		Bản Piềng Lán	DTTS	MN	
9		Bản Tong Hán	DTTS	MN	
10		Bản Cò Liu	DTTS	MN	
11		Bản Chiềng Păn	DTTS	MN	
12		Tổ dân phố Nhà Bó 1	DTTS	MN	
13		Tổ dân phố Nhà Bó 2	DTTS	MN	
14		Tổ dân phố Là Ngà 1	DTTS	MN	
15		Tổ dân phố Là Ngà 2	DTTS	MN	
16		Tổ dân phố Na Lun	DTTS	MN	
17		Tổ dân phố Vật Hồng	DTTS	MN	
18		Tổ dân phố An Thái		MN	
19		Tổ dân phố Thái Hưng		MN	
20		Tổ dân phố 19/8		MN	
21		Tổ dân phố Bãi Sậy		MN	
22		Tổ dân phố 1		MN	
23		Tổ dân phố 2		MN	
24		Tổ dân phố 3		MN	
25		Tổ dân phố 4		MN	
26		Tổ dân phố 5		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
27		Bản Long Phú		MN	
28		Bản Ta Niết		MN	
6	Phường Mộc Sơn	14	8	14	0
1		Tổ dân phố 1	DTTS	MN	
2		Tổ dân phố 2		MN	
3		Tổ dân phố 3	DTTS	MN	
4		Tổ dân phố 4		MN	
5		Tổ dân phố 5	DTTS	MN	
6		Tổ dân phố 6		MN	
7		Tổ dân phố 7		MN	
8		Tổ dân phố 34		MN	
9		Tổ dân phố Na Áng	DTTS	MN	
10		Tổ dân phố Tự Nhiên		MN	
11		Tổ dân phố Cọ Bua	DTTS	MN	
12		Tổ dân phố Pa Phách	DTTS	MN	
13		Tổ dân phố Co Sung	DTTS	MN	
14		Tổ dân phố Pu Cóc	DTTS	MN	
7	Phường Vân Sơn	16	8	16	0
1		Tổ dân phố Hoa Đào		MN	
2		Tổ dân phố Tiền Tiến		MN	
3		Tổ dân phố Hoa Ban		MN	
4		Tổ dân phố Chiềng Đi	DTTS	MN	
5		Tổ dân phố Bó Bun	DTTS	MN	
6		Tổ dân phố 70		MN	
7		Tổ dân phố Thảo Nguyên		MN	
8		Tổ dân phố 68		MN	
9		Tổ dân phố 1/5		MN	
10		Tổ dân phố 66		MN	
11		Tổ dân phố Tiến Phong	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
12		Tổ dân phố Bình Minh	DTTS	MN	
13		Tổ dân phố Đoàn Kết	DTTS	MN	
14		Tổ dân phố Tám Ba	DTTS	MN	
15		Tổ dân phố Piềng Sàng	DTTS	MN	
16		Tổ dân phố Liên Hợp	DTTS	MN	
8	Phường Thảo Nguyên	20	5	20	0
1		Tổ dân phố Chè Đen I		MN	
2		Tổ dân phố Chè Đen II		MN	
3		Tổ dân phố Minh Châu		MN	
4		Tổ dân phố 19/8		MN	
5		Tổ dân phố Trung Nguyên		MN	
6		Tổ dân phố 19/5		MN	
7		Tổ dân phố Nhà Nghi		MN	
8		Tổ dân phố 3/2		MN	
9		Tổ dân phố Bình Nguyên		MN	
10		Tổ dân phố 40		MN	
11		Tổ dân phố Khí Tượng		MN	
12		Tổ dân phố 26/7		MN	
13		Tổ dân phố 84/85		MN	
14		Tổ dân phố Cờ Đỏ		MN	
15		Tổ dân phố Mía Đường		MN	
16		Tổ dân phố Chờ Lồng	DTTS	MN	
17		Tổ dân phố Thái Hòa	DTTS	MN	
18		Tổ dân phố Tà Lọng	DTTS	MN	
19		Tổ dân phố Pa Khen	DTTS	MN	
18		Tổ dân phố Pa Khen III	DTTS	MN	
9	Xã Đoàn Kết	31	30	31	17
1		Bản Suối Mỡ	DTTS	MN	
2		Bản Lòng Hồ	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
3		Bản Tà Lại	DTTS	MN	
4		Bản Pải Mỗ	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Tà Lọt		MN	ĐBKK
6		Bản Nà Cạn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nong Cụt	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Suối Giăng 1	DTTS	MN	
9		Bản Suối Giăng 2	DTTS	MN	
10		Bản Nà Giăng	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nà Giăng 2	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nà Giăng	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Chiềng Khòong	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Suối Cáu	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Bến Trai	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Bó Hoi	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Thống Nhất	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Nà Muồng	DTTS	MN	
19		Bản Đoàn Kết	DTTS	MN	
20		Tiểu Khu 3	DTTS	MN	
21		Bản Kè Tèo	DTTS	MN	
22		Bản Tân Ca	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Sầm Nặm	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Suối Khua	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Nà Bó 2	DTTS	MN	
26		Bản Nà Bó 1	DTTS	MN	
27		Bản Suối Ba	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Suối Ngõa	DTTS	MN	
29		Bản Bó Hiềng	DTTS	MN	
30		Bản Nà Sài	DTTS	MN	
31		Bản Chiềng Cang	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
10	Xã Lóng Sập	22	22	22	15
1		Bản Trọng	DTTS	MN	
2		Bản Căng Ty	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Suối Đon	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Phách	DTTS	MN	
5		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Khừa	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Tòng	DTTS	MN	
8		Bản Ông Lý	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Xa Lú	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Bó Sập	DTTS	MN	
11		Bản Phát	DTTS	MN	
12		Bản A Má 1	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản A Má 2	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Mường Bó	DTTS	MN	
15		Bản Hong Húa	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Pha Đón	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Buốc Quang	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Co Cháy	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Pu Nhan	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản A Lá	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Pha Nhên	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Phiêng Cài	DTTS	MN	
11	Xã Chiềng Sơn	24	17	24	9
1		Bản Hương Sơn	DTTS	MN	
2		Tiểu Khu 2		MN	
3		Tiểu Khu 3		MN	
4		Tiểu Khu 4		MN	
5		Tiểu Khu 5		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
6		Tiểu Khu 6		MN	
7		Tiểu Khu 7		MN	
8		Tiểu Khu 8	DTTS	MN	
9		Bản Co Phương	DTTS	MN	
10		Tiểu Khu 30/4		MN	
11		Tiểu Khu 3/2	DTTS	MN	
12		Tiểu Khu 1/5	DTTS	MN	
13		Tiểu Khu 19/5	DTTS	MN	
14		Bản Suối Thín	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pha Luông	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Nặm Dên	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Sò Lườn	DTTS	MN	
18		Bản Suối quanh	DTTS	MN	
19		Bản Dúp Kén	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Sa Lai	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Khò Hồng	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Nà Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Vân Xuân	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Tân Thành	DTTS	MN	ĐBKK
12	Xã Tân Yên	20	19	20	5
1		Bản Dọi	DTTS	MN	
2		Tiểu khu 12	DTTS	MN	
3		Bản Tà Phênh	DTTS	MN	
4		Bản Hoa	DTTS	MN	
5		Tiểu khu 9		MN	
6		Bản Nà Tân	DTTS	MN	
7		Bản Phiêng Cành	DTTS	MN	
8		Bản Pa Khà	DTTS	MN	
9		Bản Nặm Khao	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
10		Bản Phiêng Đón	DTTS	MN	
11		Tiểu khu 34	DTTS	MN	
12		Bản Nà Sánh	DTTS	MN	
13		Bản Nà Muồng	DTTS	MN	
14		Bản Tầm Phế	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Sao Tua	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Nà Mý	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Suối Xáy	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Sam Kha	DTTS	MN	
19		Bản Yên Bình	DTTS	MN	
20		Bản Lũng Mú	DTTS	MN	ĐBKK
13	Xã Phù Yên	61	60	61	6
1		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
2		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
3		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
4		Tiểu khu 4	DTTS	MN	
5		Tiểu khu 5	DTTS	MN	
6		Tiểu khu 6	DTTS	MN	
7		Tiểu khu 7	DTTS	MN	
8		Tiểu khu 8	DTTS	MN	
9		Tiểu khu Chiềng Thượng	DTTS	MN	
10		Tiểu khu Chiềng Trung	DTTS	MN	
11		Tiểu khu Chiềng Hạ	DTTS	MN	
12		Tiểu khu Búc	DTTS	MN	
13		Tiểu khu Mo 1	DTTS	MN	
14		Tiểu khu Mo 2	DTTS	MN	
15		Tiểu khu Cang	DTTS	MN	
16		Tiểu khu Tường Quang	DTTS	MN	
17		Tiểu khu Mo Nghè 1	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
18		Tiểu khu Mo Nghè 2	DTTS	MN	
19		Tiểu khu Nà Xá	DTTS	MN	
20		Tiểu khu Phố	DTTS	MN	
21		Tiểu khu Suối Làng	DTTS	MN	
22		Tiểu khu Nà Phái 1	DTTS	MN	
23		Tiểu khu Nà Phái 2	DTTS	MN	
24		Tiểu khu Phai Làng	DTTS	MN	
25		Bản Dèm Thượng	DTTS	MN	
26		Bản Dèm Hạ	DTTS	MN	
27		Bản Tọ Thượng 1	DTTS	MN	
28		Bản Tọ Thượng 2	DTTS	MN	
29		Tiểu khu Kim Tân		MN	
30		Bản Sáy Tú	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Bó	DTTS	MN	
32		Bản Tọ Hạ	DTTS	MN	
33		Bản Đồng Lương	DTTS	MN	
34		Bản Trò 1	DTTS	MN	
35		Bản Xà	DTTS	MN	
36		Bản Nà Lò 2	DTTS	MN	
37		Bản Nà Lù	DTTS	MN	
38		Bản Nà Lò 1	DTTS	MN	
39		Bản Trò 2	DTTS	MN	
40		Bản Núi Hồng	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Úm 1	DTTS	MN	
42		Bản Úm 2	DTTS	MN	
43		Bản Kíu	DTTS	MN	
44		Bản Chăm Chài	DTTS	MN	
45		Bản Ban	DTTS	MN	
46		Bản Lềm	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
47		Bản Kim Phong	DTTS	MN	
48		Bản Puôi 1	DTTS	MN	
49		Bản Puôi 2	DTTS	MN	
50		Bản Puôi 3	DTTS	MN	
51		Bản Cù 1	DTTS	MN	
52		Bản Cù 2	DTTS	MN	
53		Bản Giáo 1	DTTS	MN	
54		Bản Giáo 2	DTTS	MN	
55		Bản Suối Cù	DTTS	MN	ĐBKK
56		Bản Tiến Phong	DTTS	MN	
57		Bản Muống Thượng	DTTS	MN	
58		Bản Tân Cống	DTTS	MN	
59		Bản Noong Pùng	DTTS	MN	ĐBKK
60		Bản Suối Nhúng	DTTS	MN	ĐBKK
61		Bản Suối Pai	DTTS	MN	ĐBKK
14	Xã Gia Phù	28	28	28	11
1		Bản Suối Chèo	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Suối Thịnh	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Suối Cáy	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Suối Chát	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Hiền Giàng	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Suối Bau	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Lá	DTTS	MN	
8		Bản Nà Lạy	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Tân Ba	DTTS	MN	
10		Bản Phiêng lương	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nà Khăm	DTTS	MN	
12		Bản Xa	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Chát Mới	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
14		Bản Bùa Chung 1	DTTS	MN	
15		Bản Giàng	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Bùa Thượng 1	DTTS	MN	
17		Bản Bùa Thượng 2	DTTS	MN	
18		Bản Pưn	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Lìm	DTTS	MN	
20		Bản Bùa Chung 2	DTTS	MN	
21		Bản Nà Lè	DTTS	MN	
22		Bản Đông	DTTS	MN	
23		Bản Nà Mạc	DTTS	MN	
24		Bản Bùa Hạ	DTTS	MN	
25		Bản Vi	DTTS	MN	
26		Bản Tạo	DTTS	MN	
27		Bản Nhọt 1	DTTS	MN	
28		Bản Nhọt 2	DTTS	MN	
15	Xã Tường Hạ	22	22	22	15
1		Bản Khoa 2	DTTS	MN	
2		Bản Khoa 1	DTTS	MN	
3		Bản Chăn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Cải	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Thon	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Đồng La	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Cha	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Chuợp	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Thín	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Tật	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pa	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nà Pục	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Suối Lồm	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
14		Bản Suối Tre	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Hạ Lương	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Bèo	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Tân Đà	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Dăn	DTTS	MN	
19		Bản Khảo	DTTS	MN	
20		Bản Cóc 1	DTTS	MN	
21		Bản Cóc 2	DTTS	MN	
22		Bản Liên Hợp	DTTS	MN	
16	Xã Mường Cơi	32	24	32	7
1		Bản Văn Phúc Yên		MN	
2		Bản Thái	DTTS	MN	
3		Bản Tổng Cầu	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Đất Lành	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Khoai Lang	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Chiếu	DTTS	MN	
7		Bản Suối Lèo	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Đu Lau	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Vườn	DTTS	MN	
10		Bản Thịnh Lang 1		MN	
11		Bản Thịnh Lang 2		MN	
12		Bản Khến Tiên	DTTS	MN	
13		Bản Yên Thịnh		MN	
14		Bản Cà	DTTS	MN	
15		Bản Mỏ	DTTS	MN	
16		Bản Tân Hợp	DTTS	MN	
17		Bản Diệt	DTTS	MN	
18		Bản Băn	DTTS	MN	
19		Bản Ếch	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
20		Bản Suối Bí	DTTS	MN	
21		Bản Ngã Ba		MN	
22		Bản Văn Tân		MN	
23		Bản Kiềng	DTTS	MN	
24		Bản Cơi	DTTS	MN	
25		Bản Nghĩa Hưng		MN	
26		Bản Bau	DTTS	MN	
27		Bản Suối Cốc	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Yên Hưng	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Tân Tường Hợp	DTTS	MN	
30		Bản Văn Cơi		MN	
31		Bản Sỏ	DTTS	MN	
32		Bản Nà Xe Mới	DTTS	MN	
17	Xã Mường Bang	23	23	23	19
1		Bản Kẽm	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Đung	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nguồn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Chiềng Manh	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Tường Lang	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Thượng Lang	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Páp	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Tân Kiềng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Lăn	DTTS	MN	
10		Bản Tường Han	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Suối Han	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Do	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Đoàn kết	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Sọc	DTTS	MN	
15		Bản Cải	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
16		Bản Chùng	DTTS	MN	
17		Bản Bang	DTTS	MN	
18		Bản Khoáng	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Suối Gà	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Dinh	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Chè Mè	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Hợp Phong	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Lao	DTTS	MN	ĐBKK
18	Xã Tân Phong	13	13	13	13
1		Bản Hợp Phong	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Trung Phong	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Tiên Phong	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Vạn Yên	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Mừng	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Đồng Mã	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Bông	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản In	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Đá Mài	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Mó Sách	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Suối Lúa	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Suối Vế	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pín	DTTS	MN	ĐBKK
19	Xã Kim Bôn	13	13	13	13
1		Bản Liên Hợp	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Bãi Vàng	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Đá Đỏ	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Hợp Bông	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Tang Lang	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Suối Tiều	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
7		Bản Suối Kênh	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Suối Vạch	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Bương Pa	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Kim Bon	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Trung Thành	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Suối On	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Suối Lệt	DTTS	MN	ĐBKK
20	Xã Suối Tọ	11	11	11	11
1		Bản Lũng Khoai	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Suối Khang	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Trò	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Suối Tọ	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Suối Ngang	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Suối Ó	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Suối Gióng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Suối Dinh	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Pắc Bẹ A	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Pắc Bẹ B	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pắc Bẹ C	DTTS	MN	ĐBKK
21	Xã Chiềng Mai	40	37	40	15
1		Bản Thạy Lồm 6/1	DTTS	MN	
2		Bản Áng Ứng	DTTS	MN	
3		Bản Kéo Tóc	DTTS	MN	
4		Bản Ót	DTTS	MN	
5		Bản Thộ Pát	DTTS	MN	
6		Bản Sàng Nà Tre	DTTS	MN	
7		Bản Phiêng Quài Tong Chinh	DTTS	MN	
8		Bản Mai Khoang	DTTS	MN	
9		Bản Củ	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
10		Thôn 2 Hoàng Văn Thụ	DTTS	MN	
11		Bản Hợp 3 Văn Tiên		MN	
12		Bản Cơi Quỳnh		MN	
13		Bản Pòn	DTTS	MN	
14		Bản Cúp	DTTS	MN	
15		Bản Vực Bon	DTTS	MN	
16		TK Ngã Ba	DTTS	MN	
17		Bản Ban		MN	
18		Bản Mé Mận	DTTS	MN	
19		Bản Cuộm Sơn	DTTS	MN	
20		Bản Co Sâu	DTTS	MN	
21		Bản Dăm Hoa	DTTS	MN	
22		Bản Puồn Vạy	DTTS	MN	
23		Bản Lon Kéo	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Có Tinh	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Buốt Vắn	DTTS	MN	
26		Bản Nà Viên	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Páng Sắng	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Nghiu Cọ	DTTS	MN	
29		Bản Dè	DTTS	MN	
30		Bản Nà Khoang	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Liêng	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Lò Um	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Khoáng Biên	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Pặc Ngần	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Pha Đin	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Púng	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Vuông Mè	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Sươn Mè	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
39		Bản Khiêng	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Thẳm	DTTS	MN	ĐBKK
22	Xã Mai Sơn	67	39	67	0
1		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
2		Tiểu khu 2		MN	
3		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
4		Tiểu khu 4		MN	
5		Tiểu khu 5		MN	
6		Tiểu khu 6		MN	
7		Tiểu khu 7	DTTS	MN	
8		Tiểu khu 8	DTTS	MN	
9		Tiểu khu 9		MN	
10		Tiểu khu 10		MN	
11		Tiểu khu 11		MN	
12		Tiểu khu 12	DTTS	MN	
13		Tiểu khu 13	DTTS	MN	
14		Tiểu khu 14	DTTS	MN	
15		Tiểu khu 15	DTTS	MN	
16		Tiểu khu 16	DTTS	MN	
17		Tiểu khu 17		MN	
18		Tiểu khu 18		MN	
19		Tiểu khu 19		MN	
20		Tiểu khu 20		MN	
21		Tiểu khu 21		MN	
22		Bản Dôm	DTTS	MN	
23		Thôn Tiên phong		MN	
24		Tiểu khu Nà Sản		MN	
25		Thôn Hát Lót		MN	
26		Thôn Nà Cang		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
27		Bản Nà Săng	DTTS	MN	
28		Bản Yên Tiến	DTTS	MN	
29		Bản Nặm Ban	DTTS	MN	
30		Bản Phiêng Trai	DTTS	MN	
31		Bản Nà Sy	DTTS	MN	
32		Bản Lót Tiến	DTTS	MN	
33		Bản Củ Nghè	DTTS	MN	
34		Bản Búng Lay	DTTS	MN	
35		Bản Nà Hạ	DTTS	MN	
36		Bản Lọng Khoang	DTTS	MN	
37		Bản Ngồ Hén	DTTS	MN	
38		Bản 428	DTTS	MN	
39		Bản Mu Kít	DTTS	MN	
40		Bản Phiêng Hỳ	DTTS	MN	
41		Tiểu khu 3/2		MN	
42		Tiểu khu 19/5		MN	
43		Tiểu khu 39		MN	
44		Bản Nhạp	DTTS	MN	
45		Bản Léch	DTTS	MN	
46		Bản Mé Léch		MN	
47		Thôn 3 Cò Nòi		MN	
48		Thôn 2 Cò Nòi		MN	
49		Thôn 1 Cò Nòi		MN	
50		Tiểu khu 26/3		MN	
51		Tiểu khu Bình Minh		MN	
52		Tiểu khu Quyết Thắng		MN	
53		Tiểu khu Thống Nhất		MN	
54		Bản Nong Mòn	DTTS	MN	
55		Bản Hin Thuội	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
56		Bản Đại Phát	DTTS	MN	
57		Bản Nong Te	DTTS	MN	
58		Bản Cò Nòi	DTTS	MN	
59		Thôn Nà Cang 1	DTTS	MN	
60		Bản Hua Tát	DTTS	MN	
61		Bản Nong Quỳnh	DTTS	MN	
62		Bản Tân Thảo		MN	
63		Bản Mòn	DTTS	MN	
64		Bản Quỳnh Sơn	DTTS	MN	
65		Bản Quỳnh Tiến	DTTS	MN	
66		Bản Sơn Pha	DTTS	MN	
67		Bản Bình Yên	DTTS	MN	
23	Xã Phiêng Pần	45	45	45	35
1		Bản Pá Nó	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Co Hày	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Pá Liềng	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Kết Hay	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Pá Ban	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pá Po	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nà Pòng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Pá Tong	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Hua Bó	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nà Nhụng	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pẻn	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Phiêng Khàng	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Ta Vắt	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nà Hiên	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Vít	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Ta Lúc	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
17		Bản Đen	DTTS	MN	
18		Bản Ốt Chả	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Lọ Dên	DTTS	MN	
20		Bản Xà Vịt	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Xà Kìa	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Há Sét	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Pá Sung	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Nặm Lanh	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Trạm Hin	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Nà Hạ	DTTS	MN	
27		Bản Lụng Cuông	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Nà Un	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Mờn 1	DTTS	MN	
30		Bản Mờn 2	DTTS	MN	
31		Bản Lạn Quỳnh	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Lụng Tra	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Ý Lường	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Phú Lương	DTTS	MN	
35		Bản Chi	DTTS	MN	
36		Bản Pó In	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Oi	DTTS	MN	
38		Bản Lù	DTTS	MN	
39		Bản Thảm Phảng	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Búa Bon	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Mật Sàng	DTTS	MN	
42		Bản Tảng	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Phiêng Nọi	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Kéo Lồm	DTTS	MN	ĐBKK
45		Bản Buôm Khoang	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
24	Xã Chiềng Mung	42	36	42	0
1		Bản Xum	DTTS	MN	
2		Bản Thống Nhất	DTTS	MN	
3		Thôn Hoàng Văn Thụ		MN	
4		Bản Nà Hạ 1	DTTS	MN	
5		Bản Đức Hản	DTTS	MN	
6		Bản Nà Hạ 2	DTTS	MN	
7		Thôn 7		MN	
8		Bản Hời	DTTS	MN	
9		Thôn Đoàn Kết	DTTS	MN	
10		Bản Lầu	DTTS	MN	
11		Bản Kẹ Nhừn	DTTS	MN	
12		Bản Nà Sang	DTTS	MN	
13		Thôn Nà Sản		MN	
14		Bản Phát	DTTS	MN	
15		Bản Bôm Cưa	DTTS	MN	
16		Bản Lo	DTTS	MN	
17		Bản Mạt	DTTS	MN	
18		Thôn 6		MN	
19		Bản Sắng	DTTS	MN	
20		Bản Cáp	DTTS	MN	
21		Bản Bó	DTTS	MN	
22		Bản Quỳnh Pầu	DTTS	MN	
23		Bản Bằng Thịnh	DTTS	MN	
24		Bản Liềng Quỳnh	DTTS	MN	
25		Bản Mé Mòi	DTTS	MN	
26		Bản Lương Mạt	DTTS	MN	
27		Bản Xùm Hào	DTTS	MN	
28		Bản Phang Hụm có	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
29		Bản Giàn Bon	DTTS	MN	
30		Bản Quỳnh Châu	DTTS	MN	
31		Bản Nà Trai	DTTS	MN	
32		Bản Bon	DTTS	MN	
33		Bản Tiến Xa		MN	
34		Bản Mứn Đoàn Kết	DTTS	MN	
35		Bản Un	DTTS	MN	
36		Bản Lằm Cút	DTTS	MN	
37		Bản Mé	DTTS	MN	
38		Bản Rừng Thông	DTTS	MN	
39		Bản Ổ Tra	DTTS	MN	
40		Bản Tà Xa	DTTS	MN	
41		Bản Thống Nhất 1	DTTS	MN	
42		Bản Mai Tiên		MN	
25	Xã Phiêng Cằm	34	34	34	34
1		Bản Huổi Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nậm Pút	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Bằng Ban	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Nong Xà Nhè	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Nhụng Trên	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Sài Khao	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Hua Pư	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Phé	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Xà Liệt	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nong Tàu Thái	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Co Hỉnh	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Pá Hốc	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Phiêng Khôm	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Huổi Thùng	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản La Va	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Huổi Do	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
17		Bản Pú Tậu	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Thẳm Hưng	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Nà Phặng	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Hua Két	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Nhụng Dưới	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Co Muông	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Củ	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Cho Cong	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Huổi Lấp	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Phiêng Thẳm	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Phiêng Phụ	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Huổi Thuôn	DTTS	MN	ĐBKK
29		Nong Tàu Mông	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Huổi Nhả	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Lọng Hỏm	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Hua Nà	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Bon Trỏ	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Phiêng Ngần	DTTS	MN	ĐBKK
26	Xã Mường Chanh	17	17	17	3
1		Bản Ngòi	DTTS	MN	
2		Bản Nghiu Ten	DTTS	MN	
3		Bản Nam	DTTS	MN	
4		Bản Khoa	DTTS	MN	
5		Bản Hạm	DTTS	MN	
6		Bản Mây	DTTS	MN	
7		Bản Mé	DTTS	MN	
8		Bản Xam Ta	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Ít Hò	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Tường Chung	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nặm Bông	DTTS	MN	
12		Bản Nà Cà	DTTS	MN	
13		Bản Hỏm Lợi	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
14		Bản Pon Chằm	DTTS	MN	
15		Bản Đen	DTTS	MN	
16		Bản Cang Mường	DTTS	MN	
17		Bản Ten Hịa	DTTS	MN	
27	Xã Tà Hộc	20	19	20	9
1		Bản Hộc	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Mòng	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Pon	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Bơ	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Mường	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pá Nó	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Pá Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Pù Tền	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Sơn Tra	DTTS	MN	
10		Bản Cáp Na	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nà Bó	DTTS	MN	
12		Bản Nà Hường	DTTS	MN	
13		Tiểu khu 7		MN	
14		Bản Pát Ca	DTTS	MN	
15		Bản Đông Sắn	DTTS	MN	
16		Bản Trung Thành	DTTS	MN	
17		Bản Bó Đuoi	DTTS	MN	
18		Tiểu khu 8	DTTS	MN	
19		Bản Phiêng Hỉnh	DTTS	MN	
20		Bản Kéo Bó	DTTS	MN	
28	Xã Chiềng Sung	26	24	26	11
1		Bản Tà Đứng	DTTS	MN	
2		Bản Cao Sơn	DTTS	MN	
3		Bản Nong Sơn	DTTS	MN	
4		Bản Bó Quỳnh	DTTS	MN	
5		Bản Cang		MN	
6		Bản Búc	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
7		Bản Tân Lập		MN	
8		Bản Quỳnh Tám	DTTS	MN	
9		Bản Nong Bình	DTTS	MN	
10		Bản Trạm Cầu	DTTS	MN	
11		Bản Nhất Bó Lạnh	DTTS	MN	
12		Bản Phát Nam	DTTS	MN	
13		Bản Phường	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Hùn	DTTS	MN	
15		Bản Sài Lương	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Quỳnh Nam	DTTS	MN	
17		Bản Yên Bình	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Chiềng Đen	DTTS	MN	
19		Bản Tong Tãi B	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Tong Tãi A	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Nậm Luông	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Tong Chiềng	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Huổi Hải	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Chan Chiềng	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Sy	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Kiềng	DTTS	MN	ĐBKK
29	Xã Thuận Châu	75	71	75	20
1		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
2		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
3		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
4		Tiểu khu 4	DTTS	MN	
5		Tiểu khu 5	DTTS	MN	
6		Tiểu khu 6		MN	
7		Tiểu khu 7	DTTS	MN	
8		Tiểu khu 8	DTTS	MN	
9		Tiểu khu 9	DTTS	MN	
10		Tiểu khu 10	DTTS	MN	
11		Tiểu khu Bon Nghè	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
12		Tiểu khu Chiềng Ly	DTTS	MN	
13		Tiểu khu bản Đông	DTTS	MN	
14		Tiểu khu bản Huông	DTTS	MN	
15		Tiểu khu Nà Cài	DTTS	MN	ĐBKK
16		Tiểu khu Nà Lĩnh	DTTS	MN	
17		Tiểu khu bản Pán	DTTS	MN	
18		Tiểu khu Ta Ngần	DTTS	MN	
19		Tiểu khu Bó Lanh	DTTS	MN	
20		Tiểu khu Bó Tả	DTTS	MN	
21		Tiểu khu Phiêng Còng	DTTS	MN	ĐBKK
22		Tiểu khu bản Bĩa	DTTS	MN	
23		Tiểu khu bản Dừn	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Hợp Nhất 1	DTTS	MN	
25		Bản Hợp Nhất 2	DTTS	MN	
26		Bản Ba Nhất 1	DTTS	MN	
27		Bản Ba Nhất 2	DTTS	MN	
28		Bản Thôm 1	DTTS	MN	
29		Bản Thôm 2	DTTS	MN	
30		Bản Mòn	DTTS	MN	
31		Bản Thống Nhất A	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Thống Nhất B	DTTS	MN	
33		Bản Chùn	DTTS	MN	
34		Bản Bai	DTTS	MN	
35		Bản Củ	DTTS	MN	
36		Bản Dẹ	DTTS	MN	
37		Bản Hua Nà	DTTS	MN	
38		Bản Lạn Bống	DTTS	MN	
39		Bản Lạnh	DTTS	MN	
40		Bản Nà Lạn	DTTS	MN	
41		Bản Pằn Nà	DTTS	MN	
42		Bản Táng	DTTS	MN	
43		Bản Thẳm	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
44		Bản Tôm	DTTS	MN	
45		Bản Trai Chanh	DTTS	MN	
46		Bản Công Mường	DTTS	MN	
47		Thôn 1		MN	
48		Thôn 2		MN	
49		Thôn 3	DTTS	MN	
50		Bản Ít Cang	DTTS	MN	ĐBKK
51		Bản Nà Tắm	DTTS	MN	ĐBKK
52		Bản Tịm	DTTS	MN	ĐBKK
53		Bản Khem	DTTS	MN	ĐBKK
54		Bản Hồn	DTTS	MN	
55		Bản Nà Tong	DTTS	MN	ĐBKK
56		Bản Bôm Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
57		Bản Cự	DTTS	MN	ĐBKK
58		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
59		Bản Bôm Pao	DTTS	MN	ĐBKK
60		Bản Hán	DTTS	MN	
61		Bản Thái Cống	DTTS	MN	
62		Bản Lăng Luông	DTTS	MN	ĐBKK
63		Bản Lăng Nội	DTTS	MN	ĐBKK
64		Bản Nà Xa	DTTS	MN	ĐBKK
65		Bản Cà Cại	DTTS	MN	
66		Bản Nà Lọ	DTTS	MN	
67		Bản Nà Nội	DTTS	MN	ĐBKK
68		Bản Nong Pòng	DTTS	MN	ĐBKK
69		Bản Huổi Luông	DTTS	MN	ĐBKK
70		Bản Chiềng Pắc	DTTS	MN	
71		Bản Dân Chủ	DTTS	MN	
72		Bản Lọng Mén	DTTS	MN	
73		Bản Mây	DTTS	MN	
74		Bản Lĩnh Luông	DTTS	MN	
75		Bản Xi Măng		MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
30	Xã Nậm Lầu	39	39	39	37
1		Bản Ban	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Biên	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Huổi Kép	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Huổi Xưa	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Ít Công	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Ít Mặn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Lọng Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Mỏ	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Nà Há	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nà Kẹ	DTTS	MN	
11		Bản Lậu Nong	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nong Ten	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pa O	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Pài	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Phúc	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Tăng	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Thẳm Phé	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Xa Hòn	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Xanh	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Có Lúu	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Cún	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Hỏm	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Hua Ty A	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Hua Ty B	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Huổi Pu	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Lái	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Mỏ A	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Lét Trạng	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Nhộp	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Pọng	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
32		Bản Pom Khoảng	DTTS	MN	
33		Bản Lắng Hạt	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Púng A	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Phạ	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Dồm	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Nong Ổ	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Púng	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Tra	DTTS	MN	ĐBKK
31	Xã Mường É	26	26	26	24
1		Bản Ban Lềm	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Ái Khôm	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Cả Vai	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Cại Kéo	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Chiềng Ve	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Há Tộc	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Hát Lụ	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Huổi Ít	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Kẹ	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Kéo Sáo	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Kiềng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Lấp	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Lùa	DTTS	MN	
14		Bản Mầu Thái	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Mầu Xá	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Muông Mỏ	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Nà Khoang	DTTS	MN	
18		Bản Nà Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Nà Lè	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nòng Ổ Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Nghịu	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Pá Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Phạ Lụ	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
24		Bản Phát Chập	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Ta Tú	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Tum Tàn	DTTS	MN	ĐBKK
32	Xã Bình Thuận	23	20	23	2
1		Bản Bay	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Cang	DTTS	MN	
3		Bản Lái Kính	DTTS	MN	
4		Bản Nặm Giắt	DTTS	MN	
5		Bản Cồng Chập	DTTS	MN	
6		Bản Quỳnh Chiên	DTTS	MN	
7		Bản Lồm Pè	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Lồm Púa	DTTS	MN	
9		Bản Khâu Lay	DTTS	MN	
10		Bản Mường Chiên	DTTS	MN	
11		Bản Đông Quan		MN	
12		Bản Kiến Xương		MN	
13		Bản Quỳnh Tiên Hưng	DTTS	MN	
14		Bản Trọ Phảng	DTTS	MN	
15		Bản Hán	DTTS	MN	
16		Bản Ta Khoang	DTTS	MN	
17		Bản Sai Chiên	DTTS	MN	
18		Bản Huổi Quỳnh	DTTS	MN	
19		Bản Heo Trại	DTTS	MN	
20		Bản Hưng Nhân		MN	
21		Bản Chộ Muông	DTTS	MN	
22		Bản Ngà Phát	DTTS	MN	
23		Bản Nong Lào	DTTS	MN	
33	Xã Chiềng La	31	31	31	14
1		Bản Cát Lót	DTTS	MN	
2		Bản Song	DTTS	MN	
3		Bản Nưa	DTTS	MN	
4		Bản Chiềng La	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
5		Bản Chiềng Cang	DTTS	MN	
6		Bản Lả Lồm	DTTS	MN	
7		Bản Bó Mạ	DTTS	MN	
8		Bản Huổi Lọng	DTTS	MN	
9		Bản Liên Minh	DTTS	MN	
10		Bản Phiêng Nong	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Quyết Thắng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Bay	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Cọ	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Hình	DTTS	MN	
15		Bản Lào	DTTS	MN	
16		Bản Lè	DTTS	MN	
17		Bản Nà Lạn	DTTS	MN	
18		Bản Phé	DTTS	MN	
19		Bản Sen To	DTTS	MN	
20		Bản Thúm Cáy	DTTS	MN	
21		Bản Chao Mùa	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Lán	DTTS	MN	
23		Bản Huổi Nong	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Ngảm Tợ	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Mện	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Nà Cưa	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Pù	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Pù Bâu	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Quây	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Sắng	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Tam	DTTS	MN	ĐBKK
34	Xã Mường Bám	17	17	17	17
1		Bản Nà Hát	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nà Cầu	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nà Làng	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Phèn	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
5		Bản Lào	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Cắm Cạn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Pá Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Nà La	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Nà Pa	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Bôm Kham	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pá Chóng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nặm Ún	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Tư Làng	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Hát Pang	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pá Ban	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Pá Nó	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Nà Tra	DTTS	MN	ĐBKK
35	Xã Muối Nọi	21	20	21	21
1		Bản Pùa	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Hiêm	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Lằm	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Buổng Khoang	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Hua Lành	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pá Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Phiêng Bông	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Muối Nọi	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Sắng Sang	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Muối Nọi A	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Đông Hưng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Bó Nguồn	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Thán Sàng		MN	ĐBKK
14		Bản Phặng	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Cường Trai	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Bon	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Lảy	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Chăn	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
19		Bản Nong Ổ	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nam Tiến	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Tát	DTTS	MN	ĐBKK
36	Xã Long Hẹ	23	23	23	13
1		Bản Hát Lẹ	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Huổi Lanh	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Huổi Lương	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Nà Hem	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Nà Lanh	DTTS	MN	
6		Bản Nà Muông	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nà Tông	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Nà Vạng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Nong Lạnh	DTTS	MN	
10		Bản Thẳm Ổn	DTTS	MN	
11		Bản Tở	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Xam Phổng	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Long Hẹ	DTTS	MN	
14		Bản Nặm Nhừ	DTTS	MN	
15		Bản Nông Cốc	DTTS	MN	
16		Bản Pú Chứn	DTTS	MN	
17		Bản Co Nhừ	DTTS	MN	
18		Bản Há Tàu	DTTS	MN	
19		Bản Ta Khom	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nà Nôm	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Cha Mạy	DTTS	MN	
22		Bản Cán Tỷ	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Pá Uổi	DTTS	MN	ĐBKK
37	Xã Mường Khiêng	48	48	48	48
1		Bản Ban Xa	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Bắc	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Chà Lào	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
5		Bản Co Khét	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Co Phường	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Hiên	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Kia	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Lụ	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Mòng Luông	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Mòng Nội	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Ta Mạ	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Tát	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Tát Ướt	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Bó Phúc	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Bon	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Củ	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Nam Han	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Hin Lẹp	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Hốc	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Hua Sát	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Pản	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Kềm	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Khiêng	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Lạn	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Lúa Hang	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Lúa B	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Nhóc	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Nuống Há	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Thông Ổ	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Phé Hằng	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Sào Và	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Sát	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Sinh Lẹp	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Thuận Ổn	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Tộn Pợ	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
37		Bản Phục Tứn	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Bó	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Lót Măn	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Mười	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Lọng Cu	DTTS	MN	ĐBKK
42		Bản Hốc Quỳnh	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Nà Sánh	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Nà Ten	DTTS	MN	ĐBKK
45		Bản Nà Viêng	DTTS	MN	ĐBKK
46		Bản Nong Bon	DTTS	MN	ĐBKK
47		Bản Phai Xe	DTTS	MN	ĐBKK
48		Bản Tra	DTTS	MN	ĐBKK
38	Xã Co Mạ	33	33	33	32
1		Bản Từ Sáng	DTTS	MN	
2		Bản Sáu Mê	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Pá Ný	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Hua Dấu	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Tịa Tậu	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Hua Ngáy	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Tịa	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Tinh Lá	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Co Cài	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Co Nhừ	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Co Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Há Khúa	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pá Cháo A	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Pá Cháo B	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pá Hốc	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Thẳm Xét	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Co Nghè	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Co Mạ	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Chổng Khoa	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
20		Bản Xá Nhá B	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Tì Là	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Pha Khuông	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Pá Âu	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Xá Nhá A	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Bản Mớ	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Cát	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Nong Vai	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Huổi Dên	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Cửa Rừng	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Chả Lạy A	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Chả Lạy B	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Hát Xiến	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Po Mậu	DTTS	MN	ĐBKK
39	Xã Bó Sinh	27	27	27	26
1		Bản Pá Ngay	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Bó Sinh	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Bắng Dạ	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Huổi Tính	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Phổng 2	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Nong	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Pát	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Phổng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Pá Ma	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nà Niêng	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pá Ca	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Pú Bẩu	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pá Lâu	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Pha Hấp	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Huổi Lán	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Hấp	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Háng Xía	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
18		Bản Nà Bó	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Lọng Xầy	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Co Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Hua Lung	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Ten	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Lung	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Lăng Mới	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Huổi Pàn	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Huổi Han	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Pá Nì	DTTS	MN	ĐBKK
40	Xã Chiềng Khương	33	26	33	22
1		Bản Bó	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Là	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Ten Pạnh	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Puông	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Quyết Thắng		MN	
6		Bản Cỏ	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Tiên Sơn		MN	
8		Bản Híp	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Thống Nhất		MN	
10		Bản Phụ	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Hưng Hà		MN	
12		Bản Tân Lập		MN	
13		Bản Huổi Nương	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Khương Tiên		MN	
15		Bản Búa	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Chiềng Khương	DTTS	MN	
17		Bản Pục	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Mo	DTTS	MN	
19		Bản Huổi Mo	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Liên Hồng		MN	
21		Bản Đen	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
22		Bản Nong Phạ	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Ổ	DTTS	MN	
24		Bản Tiên Chung	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Sai	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Tạo	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Tin Tộc	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Tân Hồng	DTTS	MN	
29		Bản Nà Hò	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Nà Un	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Kỳ Ninh	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Lọng Lót	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Co Đứa	DTTS	MN	ĐBKK
41	Xã Mường Hung	53	48	53	34
1		Bản Nà Lửa	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nà Nồng	DTTS	MN	
3		Bản Yên Sơn		MN	
4		Bản Co Tra	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Kéo Co	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Bua Hin	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Cát	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Mường Hung	DTTS	MN	
9		Bản Trung Chính		MN	
10		Bản Nong Sày	DTTS	MN	
11		Bản Ít Om	DTTS	MN	
12		Bản Hát 8		MN	
13		Bản Phiêng Pên	DTTS	MN	
14		Bản Hát So	DTTS	MN	
15		Bản Nà Ái	DTTS	MN	
16		Bản Kéo	DTTS	MN	
17		Bản Nà Cầm	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Huổi	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Hong Dôm	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
20		Bản Đội 6	DTTS	MN	
21		Bản Lúa	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Co Cườm	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Nà Ngần	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Huổi Oải	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Huổi Bua	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Phiêng Hoi	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Muôn	DTTS	MN	
28		Bản Pho	DTTS	MN	
29		Bản Nhạp	DTTS	MN	
30		Bản Trung Châu		MN	
31		Bản Hát Sét	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Anh Trung		MN	
33		Bản Chiềng Cang	DTTS	MN	
34		Bản Bàng Lặc	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Nà Hỳ	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Bó Lạ	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Nà Bon	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Tre	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Tin Tát	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Hua Tát	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Ít Lót	DTTS	MN	ĐBKK
42		Bản Pá Nó	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Nhọt Có	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Huổi Dắng	DTTS	MN	ĐBKK
45		Bản Huổi Tao	DTTS	MN	ĐBKK
46		Bản Thón	DTTS	MN	ĐBKK
47		Bản Có	DTTS	MN	ĐBKK
48		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
49		Bản Củ	DTTS	MN	ĐBKK
50		Bản Mỏ	DTTS	MN	ĐBKK
51		Bản Ta Tạng	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
52		Bản Chiềng Xôm	DTTS	MN	ĐBKK
53		Bản Huổi So	DTTS	MN	
42	Xã Chiềng Khoong	50	43	50	39
1		Bản Hải Sơn		MN	
2		Bản Khong Tở	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Huổi Nóng	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Hán Ku	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Púng Kiểng	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Cang	DTTS	MN	
7		Bản Chiên	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Mòn	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Hồng Nam		MN	
10		Bản Pìn	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Tân Hưng		MN	
12		Bản Lè	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Lướt	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Xim Bon	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Huổi Bó	DTTS	MN	
16		Bản Xi Lô	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Pá Khôm	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Huổi Hào	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Bó Chạy	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nà Ngập	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Tà Hay	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Bướm Ổ	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Co sản	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Bông Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Púng	DTTS	MN	
26		Bản Xim Muội	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Liên Phương		MN	
28		Bản Hoàng Mã		MN	
29		Bản Hát Lay	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
30		Bản Bó Luông	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Co Phen	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Huổi Khoong	DTTS	MN	
33		Bản Bó Sắn	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Bó Quỳnh	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản C5		MN	
36		Bản Đội 3		MN	
37		Bản Co Bay	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Huổi Co	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Nà Dòn	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Nà Kham	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Ta Lát	DTTS	MN	ĐBKK
42		Bản Huổi Mười	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Mường Cai	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Co Phường	DTTS	MN	ĐBKK
45		Bản Huổi Hư	DTTS	MN	ĐBKK
46		Bản Phiêng Piềng	DTTS	MN	ĐBKK
47		Bản Xia Kia	DTTS	MN	ĐBKK
48		Bản Sài Khao	DTTS	MN	ĐBKK
49		Bản Huổi Khe	DTTS	MN	ĐBKK
50		Bản Háng Lìa	DTTS	MN	ĐBKK
43	Xã Mường Lầm	27	27	27	19
1		Bản Mường Cang	DTTS	MN	
2		Bản Mường Tợ	DTTS	MN	
3		Bản Phèn Sàng	DTTS	MN	
4		Bản Lầu Ngà	DTTS	MN	
5		Bản Mường Nưa	DTTS	MN	
6		Bản Bản Hịa	DTTS	MN	
7		Bản Nà Và	DTTS	MN	
8		Bản Lồm Hỏm	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Củ	DTTS	MN	
10		Bản Huổi Lạnh	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
11		Bản Đứa Luông	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Đứa Mòn	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nà Lóc	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Tra Lầy	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Tạng Sòn	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Huổi Lếch	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Púng Núa	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Nộc Cốc	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Phá Thóng	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Hua Thóng	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Hin Pên	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Phẳng	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Tĩa	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Huổi Pặt	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Nà Tàu	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Púng Báng	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Ngam Trạng	DTTS	MN	ĐBKK
44	Xã Nậm Ty	29	29	29	25
1		Bản Nà Sèo	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nà Tòng	DTTS	MN	
3		Bản Pàn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Hua Cắt	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Xẻ	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Hiểm Lăn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Co Dâu	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Búa Hụn	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Đứa Pàn	DTTS	MN	
10		Bản Pá Men	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nà Phung	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nà Mện	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Lọng Nghịu	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nà Hay	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
15		Bản Nà Khựa	DTTS	MN	
16		Bản Huổi Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Nà Há	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Mòn	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Pá Lành	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nuốt Cồn	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Chiềng Vàng	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Pịn	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Ban Lạt	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Nong Xô	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Sàng Lay	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Co Khương	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Củ Bú	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Chéo	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Huổi Tư Hua Và	DTTS	MN	ĐBKK
45	Xã Sông Mã	37	33	37	19
1		Bản Huổi Lù	DTTS	MN	
2		Bản Hua Pàn	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nà Pàn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Nà Pàn II	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Xum Cồn	DTTS	MN	
6		Bản Mé Bon	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Lươi Là	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Phiềng Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Tiên Phong	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Mung	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Bom Phung	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Ngu Hấu	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Co Phường	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nậm Ún	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Quyết Tâm	DTTS	MN	
16		Bản Tây Hồ	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
17		Bản Cánh Kiến	DTTS	MN	
18		Bản Nà Hin	DTTS	MN	
19		Bản Nà Hin II	DTTS	MN	
20		Bản Kéo	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Thón	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Cỏi	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Sào Và	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Lọng Lăn	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Nong Léch	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Phòng Sài	DTTS	MN	ĐBKK
27		Tổ dân phố 1	DTTS	MN	
28		Tổ dân phố 2	DTTS	MN	
29		Tổ dân phố 3	0	MN	
30		Tổ dân phố 4	DTTS	MN	
31		Tổ dân phố 5	DTTS	MN	
32		Tổ dân phố 6	0	MN	
33		Tổ dân phố 7	0	MN	
34		Tổ dân phố 8	DTTS	MN	
35		Tổ dân phố 9	DTTS	MN	
36		Tổ dân phố 10	DTTS	MN	
37		Tổ dân phố 11	-	MN	
46	Xã Huổi Một	27	27	27	27
1		Bản Kéo	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Pản	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Cang Cỏi	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Co Kiểng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Co Mạ	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Hợp Tiến	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Huổi Pản	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Khua Họ	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Lọng Mòn	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nà Hạ	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
11		Bản Nà Nghiều	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nậm Pù	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nong Ke	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Pá Công	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pá Mần	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Pa Tết	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Phá Thóng	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Ta Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Túp Phạ	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Huổi Khoang	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Chạy Cang	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Nậm Mần	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Púng Khương	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Luông Cà	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Chả Huổi	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Pá Ban	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Púng Hày	DTTS	MN	ĐBKK
47	Xã Chiềng Sơ	31	30	31	8
1		Bản Huổi Púng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Pảng	DTTS	MN	
3		Bản Sòng	DTTS	MN	
4		Bản Sòng Hạ	DTTS	MN	
5		Bản Pái Dì	DTTS	MN	
6		Bản Lẹ	DTTS	MN	
7		Bản Hải Hưng		MN	ĐBKK
8		Bản Tau Hay	DTTS	MN	
9		Bản Nong Mừ	DTTS	MN	
10		Bản Bua	DTTS	MN	
11		Bản Pọng	DTTS	MN	
12		Bản Bang	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pao Há	DTTS	MN	
14		Bản Nà Lăn	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
15		Bản Tin Tiến	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Nà Lốc	DTTS	MN	
17		Bản Nà Lốc II	DTTS	MN	
18		Bản Pe Tiến	DTTS	MN	
19		Bản Nà Luông	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Nà Sặng	DTTS	MN	
21		Bản Ten Ư	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Càn Tọ	DTTS	MN	
23		Bản Nà Càn II	DTTS	MN	
24		Bản Phiêng Lợi	DTTS	MN	
25		Bản Luần	DTTS	MN	
26		Bản Mâm	DTTS	MN	
27		Bản Công	DTTS	MN	
28		Bản Bon Tiến	DTTS	MN	
29		Bản Đứa Cát	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Đứa	DTTS	MN	
31		Bản Huổi Sài	DTTS	MN	ĐBKK
48	Xã Vân Hồ	36	36	36	26
1		Bản Nà Bai	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Niên	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Phụ Mẫu	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Phà Lè	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Hợp Thành	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Yên Thành	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Piềng Chà	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Suối Mực	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Pà Puộc	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Co Chàm	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Co Tang	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Co Lóng	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Săn Cài	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Pa Kha	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
15		Bản Lóng Luông	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Suối Bon	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Lũng Xá	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Tà Dê	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Khả Nhài	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Cóm	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Chột	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Nà Pa	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Ui	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Hang Trùng 1	DTTS	MN	
25		Bản Hang Trùng 2	DTTS	MN	
26		Tiểu khu Sao Đỏ 1	DTTS	MN	
27		Tiểu khu Sao Đỏ 2	DTTS	MN	
28		Bản Suối Lìn	DTTS	MN	
29		Bản Bó Nhàng 1	DTTS	MN	
30		Bản Bó Nhàng 2	DTTS	MN	
31		Bản Chiềng Đi 1	DTTS	MN	
32		Bản Chiềng Đi 2	DTTS	MN	
33		Bản Thuông Cuông	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Pa Cốp	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Pa Chè	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Hua Tạt	DTTS	MN	
49	Xã Tô Múa	28	26	28	21
1		Bản Suối Khẩu	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Bó	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nà Lồi	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Khoang Tuống	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Châu Phong	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pư Lai	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Ấm	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Chiềng Đa	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Sôi	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
10		Bản Phú Khoa		MN	ĐBKK
11		Bản Tin Tộc	DTTS	MN	
12		Bản Mường Khoa	DTTS	MN	
13		Bản Nà Chá	DTTS	MN	
14		Bản Khòng	DTTS	MN	
15		Bản Chiềng Lè	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Páng	DTTS	MN	ĐBKK
17		Tiểu Khu trung tâm	DTTS	MN	
18		Bản Liên Hưng		MN	
19		Bản Đạo	DTTS	MN	
20		Bản Lắc Mường	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Cho Đáy	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Suối Liếm	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Mến	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Đá Mài	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Pàn Ngùa	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Bó Mòng	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Khảm	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Co Cài	DTTS	MN	ĐBKK
50	Xã Song Khủa	27	27	27	25
1		Bản Co Súc	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Tà Lạc	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Lóng Khủa	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Tàu Dầu	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Co Hó	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Un	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Tầm Phế	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Song Hưng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Suối Sầu	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Hào	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Háng	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Mường Tè	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
13		Bản Pù Hiềng	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nhúng	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Chiềng Ban	DTTS	MN	
16		Bản Hình	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Pơ Tào	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Bó	DTTS	MN	
19		Bản Coong	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản To Ngùi	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Nà Bai	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Lòm	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Nôn	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Lẩn	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Suối Nậu	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Ngậm	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Tà Phù	DTTS	MN	ĐBKK
51	Xã Xuân Nha	17	17	17	13
1		Bản Đông Tà Lào	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Tây Tà Lào	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Thấm Tôn	DTTS	MN	
4		Bản Bản Bướt	DTTS	MN	
5		Bản Bản Ngà	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Bản Bún	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Bản Láy	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Cột Mốc	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Sa Lai	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Pù Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Tụn	DTTS	MN	
12		Bản Nà Hiềng	DTTS	MN	
13		Bản Chiềng Nưa	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Chiềng Hìn	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Thín	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Nà An	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
17		Bản Mường An	DTTS	MN	ĐBKk
52	Xã Sốp Cộp	41	41	41	36
1		Bản Hua Mường	DTTS	MN	
2		Bản Sốp Cộp	DTTS	MN	
3		Bản Pe	DTTS	MN	ĐBKk
4		Bản Ban	DTTS	MN	
5		Bản Nỏ Sài	DTTS	MN	ĐBKk
6		Bản Sốp Nậm	DTTS	MN	
7		Bản Nà Dì	DTTS	MN	
8		Bản Nà Lốc	DTTS	MN	ĐBKk
9		Bản Tà Cọ	DTTS	MN	ĐBKk
10		Bản Huổi Ái	DTTS	MN	ĐBKk
11		Bản Pỏi Lanh	DTTS	MN	ĐBKk
12		Bản Hốc Một	DTTS	MN	ĐBKk
13		Bản Tông Hùm	DTTS	MN	ĐBKk
14		Bản Nghè Vèn	DTTS	MN	ĐBKk
15		Bản Co Đưa	DTTS	MN	ĐBKk
16		Bản Huổi Pót	DTTS	MN	ĐBKk
17		Bản Pá Khoang	DTTS	MN	ĐBKk
18		Bản Mường Và	DTTS	MN	ĐBKk
19		Bản Cáp Ven	DTTS	MN	ĐBKk
20		Bản Cang Ôn	DTTS	MN	ĐBKk
21		Bản Huổi Lầu	DTTS	MN	ĐBKk
22		Bản Nà Lừa	DTTS	MN	ĐBKk
23		Bản Nà Khoang	DTTS	MN	ĐBKk
24		Bản Nà Mòn	DTTS	MN	ĐBKk
25		Bản Tặc Tè	DTTS	MN	ĐBKk
26		Bản Huổi Ca	DTTS	MN	ĐBKk
27		Bản Huổi Niếng	DTTS	MN	ĐBKk
28		Bản Púng Páng	DTTS	MN	ĐBKk
29		Bản Phá Thóng	DTTS	MN	ĐBKk
30		Bản Huổi Dương	DTTS	MN	ĐBKk

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
31		Bản Pá Vai	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Hua Lạnh	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Huổi Hịa	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Nậm Lạnh	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Kéo Vai	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Bánh Han	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Púng Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Lạnh	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Phổng	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Lọng Tòng	DTTS	MN	ĐBKK
53	Xã Mường Lạn	16	16	16	16
1		Bản Mường Lạn	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Khá	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nong Phụ	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Nậm Lạn	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Co Muông	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Phiêng Pen	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Cống	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Huổi Men	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Huổi Lè	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Pu Hao	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Cang Cói	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Nà Ắn	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nà Khi	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Huổi Pá	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Nà Vạc	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Pá Kạch	DTTS	MN	ĐBKK
54	Xã Púng Bánh	31	31	31	31
1		Bản Kéo Hin	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Phải	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
4		Bản Cọ	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Liềng	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Lùn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Púng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Bánh	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Huổi Cốp	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Khá Nghiu	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Liền Ban	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Phá Thổng	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Púng Cườm	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Huổi Sang	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Nậm Tĩa	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Púng Báng	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Sam Kha	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Tròn Song	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Ten Lán	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Pu Sút	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Nà Trĩa	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi My	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Pá Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Huổi Yên	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Huổi Dồm	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Cang	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Dồm	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Khá Men	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Pặt Pháy	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Tóc Lìu	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Lọng Phát	DTTS	MN	ĐBKK
55	Xã Mường Lèo	13	13	13	11
1		Bản Mạt	DTTS	MN	
2		Bản Liềng	DTTS	MN	
3		Bản Huổi Làn	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
4		Bản Huổi Áng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Huổi Lạ	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Chăm Hỳ	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nặm Pừn	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Huổi Phúc	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Sam Quảng	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Huổi Luông	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Nà Chòm	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Pá Khoang	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nặm Khún	DTTS	MN	ĐBKK
56	Xã Bắc Yên	27	27	27	19
1		Bản Cao Đa II	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Cao Đa I	DTTS	MN	
3		Bản Phiêng Ban	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Tân Ban	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Cang Hợp	DTTS	MN	
6		Bản Tam Hợp	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Pu Nhi	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Văn Ban	DTTS	MN	
9		Bản Phiêng Ban 1	DTTS	MN	
10		Tiểu khu Phiêng Ban 2	DTTS	MN	
11		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
12		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
13		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
14		Bản Mới	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pe	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Chanh	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Nguồn	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Mong	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Ngâm	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Suối Song	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Suối Quốc	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
22		Bản Trung Sơn	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Suối Háo	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Suối Chạn	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Hồng Ngải	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Lung Tang	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Dung Giàng	DTTS	MN	ĐBKK
57	Xã Tạ Khoa	23	23	23	14
1		Bản Bản Chạng	DTTS	MN	
2		Bản Đèo Chẹn	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Suối Sắt	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Khoa	DTTS	MN	
5		Bản Pá Nó	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pót	DTTS	MN	
7		Bản Tà Đò	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Khọc B	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Chẹn	DTTS	MN	
10		Bản Trông Dê	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Phúc	DTTS	MN	
12		Bản Sập Việt	DTTS	MN	
13		Bản Tân Cuông	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Tân Tiến	DTTS	MN	
15		Bản Nhạn Nọc	DTTS	MN	
16		Bản Suối Tăng	DTTS	MN	
17		Bản Khúm Khia	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Pa Khóm	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Ọ B	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Suối Thón	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Cáy Khẻ	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Hua Noong	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Hồ Sen	DTTS	MN	ĐBKK
58	Xã Pắc Ngà	16	16	16	13
1		Bản Lùm Thượng A	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
2		Bản Lùm Thượng B	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nong Cóc	DTTS	MN	
4		Bản Lùm Hạ	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Bước	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Ảng	DTTS	MN	
7		Bản Pắc Ngà	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Nà Sài	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Chim Thượng	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nà Tiến	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Chim Hạ	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Suối Tù	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Suối Lẹ	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Vàn	DTTS	MN	
15		Bản Cải B	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Suối Cải	DTTS	MN	ĐBKK
59	Xã Chiềng Sại	10	10	10	7
1		Bản En	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nhèm	DTTS	MN	
3		Bản Kỳ Sơn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Suối Trắng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Nà Dòn	DTTS	MN	
6		Bản Co Muồng	DTTS	MN	
7		Bản Tăng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Suối Ngang	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Nặm Lin	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Quế Sơn	DTTS	MN	ĐBKK
60	Xã Tà Xùa	13	13	13	13
1		Bản Cáo A	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Háng Cao	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Trang Dưa Hang	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Làng Chếu	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Suối Păng	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
6		Bản Chổng Tra	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Háng Đồng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Háng Đồng C	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Làng Sáng	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Tà Xùa	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Trò A	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Bẹ	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Chung Trinh	DTTS	MN	ĐBKK
61	Xã Xím Vàng	10	10	10	10
1		Bản Sòng Chổng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Xím Vàng	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Háng Chơ	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Trông Tàu	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Phình Hồ	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Hang Chú	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Pa Cư Sáng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Pá Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Suối Lênh	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Nậm Lộng	DTTS	MN	ĐBKK
62	Xã Ngọc Chiến	15	15	15	6
1		Bản Pú Dảnh	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Giàng Phổng	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Mường Chiến	DTTS	MN	
4		Bản Mường Chiến II	DTTS	MN	
5		Bản Nà Tàu	DTTS	MN	
6		Bản Lướt	DTTS	MN	
7		Bản Phày	DTTS	MN	
8		Bản Chăm Pộng	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Nậm Nghệp	DTTS	MN	
10		Bản Khua Vai	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Đông Xuông	DTTS	MN	
12		Bản Lọng Cang	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
13		Bản Huổi Ngùa	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Kẻ	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Chom Khâu	DTTS	MN	
63	Xã Mường La	54	54	45	12
1		Bản Nà Lốc	DTTS	MN	
2		Bản Nong Heo	DTTS	MN	
3		Tiểu khu Nang Cau	DTTS	MN	
4		Bản Chiềng Tè	DTTS	MN	
5		Tiểu khu Hua Ít	DTTS		
6		Bản Nà Tòng	DTTS		
7		Bản Nà Lo	DTTS		
8		Bản Nà Nong	DTTS		
9		Tiểu khu Mé Liu	DTTS		
10		Tiểu khu Ít Bon	DTTS	MN	
11		Tiểu khu Phiêng Tìn	DTTS	MN	
12		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
13		Tiểu khu 2	DTTS		
14		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
15		Tiểu khu 4	DTTS		
16		Tiểu khu 5	DTTS	MN	
17		Bản Khâu Ban	DTTS	MN	
18		Bản Cang Bó Ban	DTTS	MN	
19		Bản Phiêng Hua Nà	DTTS	MN	
20		Bản Lả Búng	DTTS	MN	
21		Bản Huổi Muôn	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Ban	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Chiến	DTTS		
24		Bản Nong Luồng	DTTS	MN	
25		Bản Lâm	DTTS	MN	
26		Bản Pá Chiến	DTTS		
27		Bản Púng Quài	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Pú Pẩu	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
29		Bản Kéo Ốt	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Hua Nặm	DTTS	MN	
31		Bản Huổi Liếng	DTTS	MN	
32		Bản Hóc	DTTS	MN	
33		Bản Huổi Hóc	DTTS	MN	
34		Bản Bâu	DTTS	MN	
35		Bản Ít	DTTS	MN	
36		Bản Piêng	DTTS	MN	
37		Bản Nong Bẩu	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Huổi Có	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Hua Piêng	DTTS	MN	ĐBKK
40		Bản Nong Quài	DTTS	MN	
41		Bản Pá Kim	DTTS	MN	
42		Bản Hua Chiến	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Hua Kim	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Hua Đán	DTTS	MN	ĐBKK
45		Bản Cát Linh	DTTS	MN	ĐBKK
46		Bản Nà Trà	DTTS	MN	ĐBKK
47		Bản Pi	DTTS	MN	
48		Bản Lứa	DTTS	MN	
49		Bản Chà Lào	DTTS	MN	
50		Bản Tong	DTTS	MN	
51		Bản Ten	DTTS	MN	
52		Bản Cang Phiêng	DTTS	MN	
53		Bản Pi Tạy	DTTS	MN	
54		Bản Núa Trò	DTTS	MN	
64	Xã Chiềng Lao	39	39	39	21
1		Bản Thẳm Cọng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Mẻ	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Phiêng Lòi	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Po	DTTS	MN	
5		Bản Ổ	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
6		Bản Lè	DTTS	MN	
7		Bản Đông Khít	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Lọng Bong	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Pá Han	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Tà Sài	DTTS	MN	
11		Bản Nà Nong	DTTS	MN	
12		Bản Phiêng Cại	DTTS	MN	
13		Bản Cun	DTTS	MN	
14		Bản Huổi Choi	DTTS	MN	
15		Bản Nhạp	DTTS	MN	
16		Bản Léch	DTTS	MN	
17		Bản Nà Léch	DTTS	MN	
18		Bản Nà Cường	DTTS	MN	
19		Bản Mạ	DTTS	MN	
20		Bản Huổi Tóng	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Phiêng Phả	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Đán Ến	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Xu Xăm	DTTS	MN	
24		Bản Pậu	DTTS	MN	
25		Bản Pá Hậ	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Nặm Cùm	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Púng Ngùa	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Huổi Ngàn	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Huổi Chèo	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Huổi Pươi	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Huổi Sản	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Pá Hợp	DTTS	MN	
33		Bản Huổi Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Huổi Tao	DTTS	MN	
35		Bản Pá Mông, Pá Pù	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Huổi Chà	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Co Đứa	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
38		Bản Huổi Lẹ	DTTS	MN	
39		Bản Đen Đin	DTTS	MN	ĐBKK
65	Xã Mường Bú	52	50	52	37
1		Bản Kết	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Tạ Bú	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Mòn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Tạ Búng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Bắc	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Pậu	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Tôm	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Pét	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Thẳm Hon	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Pá Tong	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Buôi	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Chom Cọ	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nong Buôi	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nặm Ún	DTTS	MN	
15		Bản Nà Tông	DTTS	MN	
16		Bản Nà Nong 2	DTTS	MN	
17		Bản Mường Kham	DTTS	MN	
18		Bản Chang Lửa	DTTS	MN	
19		Bản Nà Nhụng	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Pàn	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Hồng Hin	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Pá Nặm	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Huổi Hiếu	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Pặt	DTTS	MN	
25		Bản Lìu	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Co Tông	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Nà Chay	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Búng	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Chón	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
30		Bản Cúp	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Giàn	DTTS	MN	
32		Bản Ngoạng	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Sang	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Bằng Phột	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Bó Cóp	DTTS	MN	ĐBKK
36		Bản Búng Diến	DTTS	MN	
37		Bản Đông Luông	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Hin Ban	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Hua Bó	DTTS	MN	
40		Bản Huổi Hào	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Mường Bú	DTTS	MN	
42		Bản Nà Nong 1	DTTS	MN	ĐBKK
43		Bản Nà Xi	DTTS	MN	ĐBKK
44		Bản Nang Phai	DTTS	MN	
45		Bản Pá Tong 1	DTTS	MN	ĐBKK
46		Bản Pá Xúm	DTTS	MN	ĐBKK
47		Bản Phiêng Búng	DTTS	MN	
48		Bản Pu Luông	DTTS	MN	ĐBKK
49		Bản Ta Mo	DTTS	MN	ĐBKK
50		Tiểu Khu 1		MN	
51		Tiểu Khu 2	DTTS	MN	
52		Bản Văn Minh		MN	
66	Xã Chiềng Hoa	35	35	35	31
1		Bản Pá Xá Hồng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Nong Hoi Dưới	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Lạng Xua	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Hán Trạng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Sạ Súng	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Tà Pù Chử	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nặm Hồng	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Tảo Ván Mới	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
9		Bản Đin Lanh	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Mạo	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Co Sủ Trên	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Chông Dủ Tầu	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Kéo Hỏm	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Hán Cá Thệnh	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Co Sủ Dưới	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Khao Lao Trên	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Nong Hùn	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Lọng Bó	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Tốc Tát Trên	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Tốc Tát Dưới	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Pá Chè	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Huổi Má	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Lọng Sắn	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Pháy Hượn	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Lửa Xe	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Mường Pịa	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Nong É	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Nong Xưa	DTTS	MN	
29		Bản Pá Liềng	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Phương Yên	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Tả	DTTS	MN	
32		Bản Áng Nghịu	DTTS	MN	
33		Bản Chông	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Hát Hay	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Hin Phá	DTTS	MN	
67	Xã Mường Chiên	21	21	21	14
1		Bản Nậm Tầu	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Có Nội	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Ít Ta Bót	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Phiêng Bay	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
5		Bản Lọng Ó	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Khâu Pùm	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nậm Ngùa	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Nà Mùn	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Có Luông	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Có Nàng	DTTS	MN	
11		Bản Pá Bó	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Lò Củ	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pho Pha	DTTS	MN	
14		Bản Pháy Suông	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Phướng	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Phát	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Pạ Lò	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Cà Nàng	DTTS	MN	
19		Bản Quyền	DTTS	MN	
20		Bản Bon	DTTS	MN	
21		Bản Hế	DTTS	MN	
68	Xã Mường Giôn	23	23	23	15
1		Bản Mắc Lúu	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Chiềng Lề	DTTS	MN	
3		Bản Khóp	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Kịch Máng	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Púm	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Giôn	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Phiêng Mựt I	DTTS	MN	
8		Bản Cha Có	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Pá Ngà	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Khoang	DTTS	MN	
11		Bản Bo Xanh	DTTS	MN	
12		Bản Pá Le	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Huổi Vắn	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Huổi Ngà	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
15		Bản Nà Mạt	DTTS	MN	
16		Bản Tậu Khúm	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Cút	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Kéo Ca	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Huổi Mặn	DTTS	MN	
20		Bản Hua Xanh	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Xa	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Lọng Mường	DTTS	MN	
23		Phiêng Mựt II	DTTS	MN	
69	Xã Quỳnh Nhai	41	41	41	24
1		Bản Huổi Ná	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Đồng Tâm	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Đán Đăm	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Xe	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Lóm Lầu	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Bình Yên	DTTS	MN	
7		Tiểu khu Lóm Khiêu	DTTS	MN	ĐBKK
8		Tiểu khu Phiêng Ban	DTTS	MN	ĐBKK
9		Tiểu khu Kiếu Hát	DTTS	MN	ĐBKK
10		Tiểu khu Mường Giàng	DTTS	MN	
11		Tiểu khu Đán Đanh	DTTS	MN	ĐBKK
12		Tiểu khu Hua Chai	DTTS	MN	
13		Tiểu khu Phiêng Nèn	DTTS	MN	
14		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
15		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
16		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
17		Tiểu khu 4	DTTS	MN	
18		Tiểu khu 5	DTTS	MN	
19		Tiểu khu Bung Lanh	DTTS	MN	ĐBKK
20		Tiểu khu Pá Uôn	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Ba Nhất	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Bung Ến	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
23		Bản Bĩa Ban	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Pu Khoang	DTTS	MN	
25		Bản Chạ Lóng	DTTS	MN	
26		Bản Lọng Đán	DTTS	MN	
27		Bản Khoan	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Púa Xe	DTTS	MN	
29		Bản Ngáy	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Canh	DTTS	MN	ĐBKK
31		Bản Pom Sinh	DTTS	MN	ĐBKK
32		Bản Nà Pát	DTTS	MN	ĐBKK
33		Bản Ca	DTTS	MN	ĐBKK
34		Bản Hậu	DTTS	MN	ĐBKK
35		Bản Khoang	DTTS	MN	
36		Bản Cầu Cang	DTTS	MN	ĐBKK
37		Bản Hán	DTTS	MN	
38		Bản He	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Đông	DTTS	MN	
40		Bản Phiêng Lý	DTTS	MN	ĐBKK
41		Bản Hoa Sản	DTTS	MN	ĐBKK
70	Xã Mường Sại	18	18	18	13
1		Bản Cà Pổng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Cọ Muông	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Nong	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Tôm	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Hào	DTTS	MN	
6		Bản Huổi Hẹ	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Bó Ún	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Pom Hán	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Dọ	DTTS	MN	
10		Bản Thống Nhất	DTTS	MN	ĐBKK
11		Búa Bon	DTTS	MN	
12		Bản Còi	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
13		Bản Muôn	DTTS	MN	
14		Bản Ít	DTTS	MN	
15		Bản Nhà Sầy	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Pha Đảo	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Huổi Tôm	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Ten Che	DTTS	MN	ĐBKK
71	Xã Yên Châu	57	57	57	15
1		Bản Nhôm	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Chũm	DTTS	MN	ĐBKK
3		Bản Hượn	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Chai	DTTS	MN	ĐBKK
5		Bản Huổi Pù	DTTS	MN	ĐBKK
6		Bản Thèn Luông	DTTS	MN	ĐBKK
7		Bản Nậm Ún	DTTS	MN	ĐBKK
8		Bản Luông Mé	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Đông Tàu	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Na Pản	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Huổi Siêu	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Suối Dương	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Mo	DTTS	MN	
14		Búng Mo	DTTS	MN	
15		Bản Chiềng Kim	DTTS	MN	
16		Bản Chiềng Sàng	DTTS	MN	
17		Bản Chiềng Sàng 2	DTTS	MN	
18		Bản Mai Ngập	DTTS	MN	
19		Bản Đán	DTTS	MN	
20		Bản Đán 2	DTTS	MN	
21		Bản Thàn	DTTS	MN	
22		Bản Chiềng PPhú	DTTS	MN	
23		Bản Phát	DTTS	MN	
24		Bản Ngùa	DTTS	MN	
25		Bản Boong Xanh	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
26		Bản Pang Héo	DTTS	MN	
27		Bản Thồng Phiêng	DTTS	MN	
28		Bản Chiềng Thi	DTTS	MN	
29		Bản Sốp Sạng	DTTS	MN	
30		Tiểu khu 1	DTTS	MN	
31		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
32		Tiểu khu 3	DTTS	MN	
33		Tiểu khu 4	DTTS	MN	
34		Tiểu khu 5	DTTS	MN	
35		Tiểu khu 6	DTTS	MN	
36		Tiểu khu 7	DTTS	MN	
37		Tiểu khu Nà Khái	DTTS	MN	
38		Tiểu khu Mường Khóng	DTTS	MN	ĐBKK
39		Tiểu khu Bất Đông	DTTS	MN	
40		Tiểu khu Phiêng Nghè	DTTS	MN	
41		Tiểu khu Nà Và	DTTS	MN	
42		Tiểu khu Mường Vạt	DTTS	MN	
43		Tiểu khu Huổi Hẹ	DTTS	MN	
44		Tiểu khu Huổi Qua	DTTS	MN	
45		Tiểu khu Kho Vàng	DTTS	MN	
46		Bản Hiêm	DTTS	MN	
47		Bản Pút	DTTS	MN	
48		Bản Tùm	DTTS	MN	
49		Bản Mé	DTTS	MN	
50		Bản Na Đông	DTTS	MN	
51		Bản Ngoàng	DTTS	MN	
52		Bản Mệt - Sai	DTTS	MN	
53		Bản Thín	DTTS	MN	
54		Bản Khá	DTTS	MN	
55		Bản Na Pa	DTTS	MN	
56		Bản Pa Sang	DTTS	MN	ĐBKK
57		Bản Đoàn Kết	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
72	Xã Chiềng Hặc	41	41	41	15
1		Bản Lắc Kén	DTTS	MN	
2		Bản Suối Bùn	DTTS	MN	
3		Bản Suối Phà	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Cung GT ĐK	DTTS	MN	
5		Bản Đông Khùa	DTTS	MN	
6		Bản Nàng Yên	DTTS	MN	
7		Bản Tin Tộc	DTTS	MN	
8		Bản Cổ Nông	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Trung Tâm	DTTS	MN	
10		Bản Chiềng Ban 1	DTTS	MN	
11		Bản Chiềng Ban 2	DTTS	MN	
12		Bản Nóng Pét	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Tà Làng Trung	DTTS	MN	
14		Bản Tà Làng Thấp	DTTS	MN	
15		Bản Tà Làng Cao	DTTS	MN	
16		Bản Hua Đán	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Tú Quỳnh	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Nà Khoang	DTTS	MN	
19		Bản Bó Mon	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản Cốc Lắc	DTTS	MN	
21		Bản Khẩu khoang	DTTS	MN	
22		Bản Mường Lựm	DTTS	MN	
23		Bản Luông	DTTS	MN	ĐBKK
24		Bản Nà Lắng	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Ôn Ốc	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Pá Khôm	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Đảo	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Tà Vài	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Co Sáy	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Cang	DTTS	MN	
31		Bản Huổi Thón	DTTS	MN	

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
32		Bó Kiếng	DTTS	MN	
33		Bản Huổi Mong	DTTS	MN	
34		Bản Chi Đáy	DTTS	MN	
35		Bản Huổi Sét	DTTS	MN	
36		Bản Văng Lùng	DTTS	MN	
37		Bản Pa Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
38		Bản Hang Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
39		Bản Lắc Phiêng	DTTS	MN	
40		Bản Nà Ngà	DTTS	MN	
41		Bản Đoàn Kết	DTTS	MN	
73	Xã Yên Sơn	22	22	22	13
1		Bản Kim Sơn I	DTTS	MN	
2		Bản Kim Sơn II	DTTS	MN	
3		Bản Đán	DTTS	MN	
4		Bản Đán I	DTTS	MN	
5		Bản Quỳnh Sơn	DTTS	MN	
6		Bản Chiềng Yên	DTTS	MN	
7		Bản Chiềng Hung	DTTS	MN	
8		Bản Phương Quỳnh	DTTS	MN	
9		Bản Chờ Lồng	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Cò Chia	DTTS	MN	
11		Bản Tràng Nậm	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Trạm Hóc	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Nà Đít	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Nà Dạ	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Keo Đồn	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Ta Liễu	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Khuông	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Nà Cài	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Đin Chí	DTTS	MN	ĐBKK
20		Bản A La	DTTS	MN	ĐBKK
21		Bản Suối Cút	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
22		Bản Co Tôm	DTTS	MN	ĐBKK
74	Xã Lóng Phiêng	19	17	19	13
1		Bản Pha Cúng	DTTS	MN	ĐBKK
2		Bản Yên Thi		MN	
3		Bản Nong Đức	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Tà Vàng	DTTS	MN	
5		Bản Quỳnh Phiêng	DTTS	MN	
6		Bản Mơ Tươi	DTTS	MN	
7		Bản Tô Quỳnh	DTTS	MN	
8		Bản Mỏ Than		MN	
9		Bản Nà Mùa	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Cò Chia	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Pa Kha I	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Pa Kha II	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Pa Kha III	DTTS	MN	ĐBKK
14		Bản Bó Hìn	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Pom Khốc	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Đin Chí	DTTS	MN	ĐBKK
17		Bản Pa Khôm	DTTS	MN	ĐBKK
18		Bản Đề A	DTTS	MN	ĐBKK
19		Bản Co Lắc	DTTS	MN	ĐBKK
75	Xã Phiêng Khoài	30	23	30	18
1		Bản Ái 1	DTTS	MN	
2		Bản Ái 2	DTTS	MN	
3		Bản Ten Luông	DTTS	MN	ĐBKK
4		Bản Quỳnh Liên	DTTS	MN	
5		Bản Thanh Yên 1		MN	
6		Bản Thanh Yên 2		MN	
7		Bản Páo Cửa	DTTS	MN	ĐBKK

TT	Tên xã	Tên thôn	Thôn thuộc vùng		Đặc biệt khó khăn
			DTTS	MN	
8		Bản Na Lù	DTTS	MN	ĐBKK
9		Bản Na Nhươi	DTTS	MN	ĐBKK
10		Bản Con Khảm	DTTS	MN	ĐBKK
11		Bản Co Mon	DTTS	MN	ĐBKK
12		Bản Tam Thanh	DTTS	MN	ĐBKK
13		Bản Cồn Huôt 1	DTTS	MN	
14		Bản Cồn Huôt 2	DTTS	MN	ĐBKK
15		Bản Đan Đón	DTTS	MN	ĐBKK
16		Bản Kim Chung 1		MN	
17		Bản Kim Chung 2		MN	
18		Bản Kim Chung 3		MN	
19		Bản Hang Mon 1		MN	
20		Bản Hang Mon 2		MN	
21		Bản Huổi Sai	DTTS	MN	ĐBKK
22		Bản Keo Muông	DTTS	MN	ĐBKK
23		Bản Quỳnh Chung	DTTS	MN	
24		Bản Nặm Bó	DTTS	MN	ĐBKK
25		Bản Bó Rôm	DTTS	MN	ĐBKK
26		Bản Bó Sinh	DTTS	MN	ĐBKK
27		Bản Hang Cẩn	DTTS	MN	ĐBKK
28		Bản Lao Khô 1	DTTS	MN	ĐBKK
29		Bản Lao Khô 2	DTTS	MN	ĐBKK
30		Bản Tà Ẽn	DTTS	MN	ĐBKK

Phụ lục số 02
DANH SÁCH PHÂN ĐỊNH XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, XÃ KHU VỰC I, II, III
(Kèm theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực	Số thôn/bản DTTS&MN	
	Tổng cộng	DTTS	MN		Tổng số thôn/bản	Số thôn/bản ĐBKK
I	Tổng cộng:	75	75		2233	1198
	Xã khu vực I			3		
	Xã Khu vực II			6		
	Xã Khu vực III			66		
II	Chi tiết					
1	Phường Tô Hiệu	DTTS	MN	I	49	
2	Phường Thảo Nguyên	DTTS	MN	I	20	
3	Xã Mai Sơn	DTTS	MN	I	67	
4	Phường Mộc Châu	DTTS	MN	II	28	
5	Phường Mộc Sơn	DTTS	MN	II	14	
6	Phường Chiềng Cơi	DTTS	MN	II	30	
7	Phường Vân Sơn	DTTS	MN	II	16	
8	Phường Chiềng Sinh	DTTS	MN	II	33	
9	Phường Chiềng An	DTTS	MN	II	27	
10	Xã Chiềng Mung	DTTS	MN	III	42	
11	Xã Phù Yên	DTTS	MN	III	61	6
12	Xã Quỳnh Nhai	DTTS	MN	III	41	24
13	Xã Sông Mã	DTTS	MN	III	37	19
14	Xã Yên Châu	DTTS	MN	III	57	15
15	Xã Thuận Châu	DTTS	MN	III	75	20

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực	Số thôn/bản DTTS&MN	
	Tổng cộng	DTTS	MN		Tổng số thôn/bản	Số thôn/bản ĐBKK
16	Xã Vân Hồ	DTTS	MN	III	36	26
17	Xã Bắc Yên	DTTS	MN	III	27	19
18	Xã Sốp Cộp	DTTS	MN	III	41	36
19	Xã Mường La	DTTS	MN	III	54	12
20	Xã Phiêng Khoài	DTTS	MN	III	30	18
21	Xã Mường Cơi	DTTS	MN	III	32	7
22	Xã Bình Thuận	DTTS	MN	III	23	2
23	Xã Mường Sại	DTTS	MN	III	18	13
24	Xã Chiềng Sơ	DTTS	MN	III	31	8
25	Xã Ngọc Chiến	DTTS	MN	III	15	6
26	Xã Tà Hộc	DTTS	MN	III	20	9
27	Xã Pắc Ngà	DTTS	MN	III	16	13
28	Xã Chiềng Khương	DTTS	MN	III	33	22
29	Xã Tô Múa	DTTS	MN	III	28	21
30	Xã Tân Phong	DTTS	MN	III	13	13
31	Xã Yên Sơn	DTTS	MN	III	22	13
32	Xã Nậm Lầu	DTTS	MN	III	39	37
33	Xã Lóng Phiêng	DTTS	MN	III	19	13
34	Xã Chiềng Lao	DTTS	MN	III	39	21
35	Xã Mường Bang	DTTS	MN	III	23	19
36	Xã Chiềng Sung	DTTS	MN	III	26	11
37	Xã Chiềng Hặc	DTTS	MN	III	41	15
38	Xã Mường Bú	DTTS	MN	III	52	37

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực	Số thôn/bản DTTS&MN	
	Tổng cộng	DTTS	MN		Tổng số thôn/bản	Số thôn/bản ĐBKK
39	Xã Muối Nội	DTTS	MN	III	21	21
40	Xã Chiềng La	DTTS	MN	III	31	14
41	Xã Mường Khiêng	DTTS	MN	III	48	48
42	Xã Chiềng Mai	DTTS	MN	III	40	15
43	Xã Chiềng Sơn	DTTS	MN	III	24	9
44	Xã Mường Giôn	DTTS	MN	III	23	15
45	Xã Đoàn Kết	DTTS	MN	III	31	17
46	Xã Tạ Khoa	DTTS	MN	III	23	14
47	Xã Tà Xùa	DTTS	MN	III	13	13
48	Xã Chiềng Hoa	DTTS	MN	III	35	31
49	Xã Lóng Sập	DTTS	MN	III	22	15
50	Xã Tường Hạ	DTTS	MN	III	22	15
51	Xã Púng Bính	DTTS	MN	III	31	31
52	Xã Mường Chanh	DTTS	MN	III	17	3
53	Xã Long Hẹ	DTTS	MN	III	23	13
54	Xã Mường É	DTTS	MN	III	26	24
55	Xã Tân Yên	DTTS	MN	III	20	5
56	Xã Mường Chiên	DTTS	MN	III	21	14
57	Xã Huổi Một	DTTS	MN	III	27	27
58	Xã Chiềng Khoong	DTTS	MN	III	50	39
59	Xã Mường Hung	DTTS	MN	III	53	34
60	Xã Mường Lằm	DTTS	MN	III	27	19
61	Xã Gia Phú	DTTS	MN	III	28	11

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Xã		Thuộc khu vực	Số thôn/bản DTTS&MN	
	Tổng cộng	DTTS	MN		Tổng số thôn/bản	Số thôn/bản ĐBKK
62	Xã Xím Vàng	DTTS	MN	III	10	10
63	Xã Co Mạ	DTTS	MN	III	33	32
64	Xã Xuân Nha	DTTS	MN	III	17	13
65	Xã Song Khủa	DTTS	MN	III	27	25
66	Xã Phiêng Cầm	DTTS	MN	III	34	34
67	Xã Phiêng Pần	DTTS	MN	III	45	35
68	Xã Nậm Ty	DTTS	MN	III	29	25
69	Xã Bó Sinh	DTTS	MN	III	27	27
70	Xã Suối Tọ	DTTS	MN	III	11	11
71	Xã Kim Bon	DTTS	MN	III	13	13
72	Xã Chiềng Sại	DTTS	MN	III	10	7
73	Xã Mường Bám	DTTS	MN	III	17	17
74	Xã Mường Lạn	DTTS	MN	III	16	16
75	Xã Mường Lèo	DTTS	MN	III	13	11

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số
307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ
phân loại đơn vị hành chính**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 32/TTr-SNV ngày 13 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 307/2025/NĐ-CP

ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính

(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 307/2025/NĐ-CP)* kịp thời, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

b) Rà soát phân loại đơn vị hành chính *(sau đây gọi tắt là ĐVHC)* nhằm đánh giá quy mô, trình độ phát triển của ĐVHC; mức độ đáp ứng của tổ chức bộ máy chính quyền địa phương trên địa bàn ĐVHC, làm cơ sở để hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức bộ máy, xác định biên chế, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của chính quyền địa phương phù hợp với từng loại ĐVHC.

c) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn tại địa phương.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, thống kê, đánh giá các tiêu chí phân loại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

b) Các số liệu làm cơ sở đánh giá phải được thống kê chính xác, khách quan, trung thực. UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về số liệu tổng hợp, đánh giá, báo cáo thuộc chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành theo dõi, quản lý.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối với phân loại tỉnh

Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp số liệu, hồ sơ do đơn vị phụ trách gửi về Sở Nội vụ làm căn cứ tính điểm phân loại ĐVHC tỉnh cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cung cấp các số liệu theo quy định tại khoản 2; điểm h, i khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, cụ thể:

- Diện tích tự nhiên của tỉnh và 75 xã, phường được công bố năm 2025, *(đơn vị tính km²)*.

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh so với bình quân chung của cả nước.

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn của tỉnh so với bình quân chung của cả nước.

b) Sở Tài chính

- Cung cấp số liệu tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương; số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

- Cung cấp các số liệu, tài liệu về vị trí, vai trò của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Cung cấp số liệu liên quan đến di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận, ghi danh theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

- Cung cấp các số liệu, tài liệu về vị trí, vai trò của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

d) Công an tỉnh

- Cung cấp số liệu liên quan đến quy mô dân số của tỉnh và 75 xã, phường (*dân số thường trú, dân số tạm trú, số dân là người dân tộc thiểu số*) theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

- Cung cấp các số liệu, tài liệu về vị trí, vai trò của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

đ) Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Cung cấp số các đơn vị hành chính xã, phường trực thuộc tỉnh có đường biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

Cung cấp các số liệu, tài liệu về vị trí, vai trò của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

e) Sở Dân tộc và Tôn giáo

Cung cấp số liệu liên quan đến đơn vị miền núi (tỉnh Sơn La và 75 xã, phường) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

g) Sở Nội vụ

- Cung cấp các số liệu theo quy định tại điểm d, đ, g, k khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, cụ thể:

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh.

- + Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội.
- + Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước cấp tỉnh. + Số ĐVHC cấp xã của tỉnh.
- Tổng hợp, báo cáo hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh.

h) Văn phòng UBND tỉnh

Cung cấp các số liệu Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình so với mức bình quân cả nước theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

i) Thống kê tỉnh: Cung cấp số liệu theo quy định tại điểm b, c, e khoản 3 Điều 5 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP cụ thể:

- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh so với bình quân chung của cả nước.

2. Đối với phân loại ĐVHC các xã, phường

a) UBND các xã, phường tổ chức lập hồ sơ phân loại ĐVHC các xã, phường thuộc phạm vi quản lý theo Nghị định số 307/2025/NĐ-CP. Hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định (đối với xã, phường loại I, II, III) và kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ, đối với phường loại đặc biệt*).

b) Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình;
- Đề án phân loại ĐVHC gồm sự cần thiết, căn cứ pháp lý; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của ĐVHC; thuyết minh đánh giá hiện trạng ĐVHC theo các tiêu chí phân loại ĐVHC; kế hoạch nâng cao các tiêu chí phân loại ĐVHC các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị.
- Bảng thống kê số liệu tiêu chí làm cơ sở xác định điểm phân loại ĐVHC;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận số liệu các tiêu chí phân loại ĐVHC, xác nhận yếu tố đặc thù.

3. Về số liệu đánh giá các tiêu chí phân loại đơn vị hành chính

- Số liệu đánh giá các tiêu chí phân loại ĐVHC là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- Các số liệu do các cơ quan, đơn vị cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác, bảo đảm thống nhất với cơ sở dữ liệu thống kê và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

- Phương pháp thu thập, tính toán số liệu của từng tiêu chí phân loại ĐVHC được quy định tại Phụ lục kèm theo của Nghị định số 307/2025/NĐ-CP.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, lập hồ sơ Đề án phân loại tỉnh; thẩm định hồ sơ phân loại ĐVHC xã, phường loại I, II, III, tổ chức khảo sát để phục vụ thẩm định hồ sơ phân loại ĐVHC xã, phường trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định; kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ phân loại phường loại đặc biệt báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ quyết định (nếu có);

2. Các sở, ngành: Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Dân tộc và Tôn giáo; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; Thống kê tỉnh

a) Cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ phân loại ĐVHC tỉnh (*gửi về Sở Nội vụ trước ngày 20 tháng 01 năm 2026*) và cung cấp các số liệu, tài liệu về vị trí, vai trò của 75 xã, phường theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 307/2025/NĐ-CP, đồng thời hướng dẫn các phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường theo hệ thống ngành để đảm bảo số liệu thực hiện phân loại ĐVHC xã, phường thống nhất, chính xác (*hoàn thành trước ngày 25 tháng 01 năm 2026*).

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức lập Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh; kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ phân loại phường loại đặc biệt (nếu có); thẩm định các tiêu chí phân loại ĐVHC xã, phường loại I, II, III trên địa bàn tỉnh.

3. UBND các xã, phường

Chỉ đạo các phòng chuyên môn lập hồ sơ phân loại ĐVHC theo quy định gửi Sở Nội vụ trước ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành và UBND các xã, phường kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Yêu cầu các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đúng tiến độ./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com